TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **332/**2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2018
Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình
giữa chị Trần Thị T và anh Trương Văn T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Sơn.

2. Ông Ngô Cao Lâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Vân Kiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Bàng Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2018/TLST - HNGĐ, ngày 02/7/2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 24/8/2018; quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 10/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T; sinh năm: 1998; địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai, chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Trương Văn T được tự do tìm hiểu, không bị cưỡng ép, lừa dối kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 10/8/2016 tại UBND xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn sinh sống tại thôn H, xã N, huyện S. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc nhưng sau khi chị sinh con thì phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng dần bị sứt mẻ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T và bố mẹ anh T không tin tưởng chị trong vấn đề tiền nong, kinh tế nên cuộc sống luôn nặng nề, căng thẳng. Vì

vậy, chị đã mang con về nhà bố mẹ đẻ từ đầu năm 2018, vợ chồng sống ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể tồn tại gia đình hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trương Thị Thảo M, sinh ngày 02/11/2016 hiện nay cháu đang ở cùng với chị. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không đề nghị Toà án giải quyết.

Qúa trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Trương Văn T đến để giải quyết vụ án nhưng anh T đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của bà Chu Thị N (mẹ đẻ của anh Trương Văn T), anh T và chị T có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống chung của vợ chồng anh T chị T bình thường. Đến tháng 02 năm 2018 thì chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh T từ đó. Bà không biết lý do vì sao chị T lại về nhà bố mẹ đẻ, không sống cùng gia đình bà nữa. Hiện nay, anh T đang đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về thăm gia đình và vẫn liên lạc với bà nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể. Gia đình bà có nhận được giấy triệu tập của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết nhưng anh T bận việc không về được, anh T nói Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trương Văn T; giao cháu Trương Thị Thảo M, sinh ngày 02/11/2016 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung; chị Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo cung cấp của Công an xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang thì anh Trương Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã N, huyện S. Anh T đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh T đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh T đã thông báo cho anh T nhưng anh T vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Qua xác minh thì chị Trần Thị T và anh Trương Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, xô xát nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã S, huyện S sống. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ đầu năm 2018, không còn quan tâm, thăm hỏi đến nhau nên không thể tồn tại

một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T là xử cho chị T được ly hôn với anh Trương Văn T.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Trương Văn T có 01 con chung là cháu Trương Thị Thảo M, sinh ngày 02/11/2016. Do cháu còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên cần giao cháu M cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Trần Thị T không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Thị Thảo M, sinh ngày 02/11/2016 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006494 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Anh Trương Văn T không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- UBND xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ma Thị Tuyết Mai